TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 02 - 2026
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Minh Tiếp.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Bé Ngọc
2. Ông Nguyễn Văn Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20A/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Thanh H, sinh năm: 1974.
Cư trú: ấp Mỹ Hiệp 2, xã HL, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).
2. Bị đơn: Bà Lê Thị Kiều T, sinh năm: 1974
Cư trú: ấp Mỹ Hiệp 2, xã HL, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Thanh H (gọi tắt ông H) trình bày:

Qua quen biết và tìm hiểu giữa ông H với bà T tự nguyện kết hôn nhau vào năm 2001 và có đăng ký kết hôn số 88/2005 ngày 04/8/2005 của Uỷ ban nhân dân xã Hỏa Tiến, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (cũ). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H với bà T đã sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay, nên ông H yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung cháu tên Võ Ngọc H (giới tính: nữ), sinh năm: 1999; cháu Võ Ngọc H (giới tính: nữ), sinh năm: 2005. Hiện tại các cháu đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Kiều T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không trình bày ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại xã HL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thanh H và bà Lê Thị Kiều T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo đúng quy định. Xét thấy việc kết hôn của ông H và bà T tuân thủ theo các điều kiện quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc và vợ, chồng đã sống ly thân từ lâu từ năm 2020 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H giữ nguyên yêu cầu cương quyết ly hôn với bà T. Bị đơn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện bất kỳ ý kiến gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H. Từ đó cho thấy giữa ông H với bà T đã không còn tình nghĩa vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho ông H và bà T được ly hôn.

[5] Về con chung: Giữa ông H với bà T trong thời gian chung sống có được 02 con chung cháu tên Võ Ngọc H (giới tính: nữ), sinh năm: 1999; cháu Võ Ngọc H (giới tính: nữ), sinh năm: 2005. Hiện tại các cháu đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Võ Thanh H và bà Lê Thị Kiều T ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung cháu tên Võ Ngọc H (giới tính: nữ), sinh năm: 1999; cháu Võ Ngọc H (giới tính: nữ), sinh năm: 2005. Hiện tại các cháu đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Võ Thanh H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010850 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 11;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Cổng TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Châu Minh Tiếp